

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)

Ngày thi: 21 / 7 /2021

Nhóm: **19T4-CNÔ3**

Môn học phần:**0714001613 - Vật lý 3**

Giờ thi:

Phòng:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	Ký tên	Điểm		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	19000532	Nguyễn Hoàng	Ân	29/01/2003	19T4-CNÔ3		5,3	Năm , ba	
2	19000422	Nguyễn Đức	Anh	19/07/2004	19T4-CNÔ3		5,0	Năm , không	
3	19000644	Lại Gia	Bảo	12/09/2004	19T4-CNÔ3		9,8	Chín , tám	
4	19000536	Trần Quang	Bảo	08/08/2003	19T4-CNÔ3		5,0	Năm , không	
5	19000491	Trương Gia	Bảo	10/09/2004	19T4-CNÔ3		7,5	Bảy , năm	
6	19000419	Bùi Ngọc Đại	Cường	07/09/2000	19T4-CNÔ3		8,8	Tám , tám	
7	19000637	Trần Quốc	Cường	05/03/2004	19T4-CNÔ3		9,5	Chín , năm	
8	19000454	Nguyễn Hữu	Đăng	26/10/2003	19T4-CNÔ3		0,0	Không , không	Không nộp bài
9	19000464	Hồ Hoàng Mạnh	Du	06/02/2004	19T4-CNÔ3		7,0	Bảy , không	
10	19000429	Bùi Lê Hùng	Dũng	06/01/2003	19T4-CNÔ3		6,5	Sáu , năm	
11	19000468	Nguyễn Hoàng	Hải	11/06/2004	19T4-CNÔ3		9,0	Chín , không	
12	19000603	Trần Chí	Hiệp	17/09/2004	19T4-CNÔ3		8,0	Tám , không	
13	19000586	Phạm Minh	Hoàng	17/09/2004	19T4-CNÔ3		8,0	Tám , không	
14	19001017	Trương Việt	Hoàng	04/07/2002	19T4-CNÔ3		5,0	Năm , không	
15	19000433	Nguyễn Chí	Khanh	20/06/2003	19T4-CNÔ3		9,0	Chín , không	
16	19000471	Trịnh Hữu	Khuong	11/04/2004	19T4-CNÔ3		7,8	Bảy , tám	
17	19001367	Trần Bảo Gia	Lâm	10/09/2004	19T4-CNÔ3		0,0	Không , không	Không nộp bài
18	19000609	Nguyễn Huỳnh	Long	08/12/2004	19T4-CNÔ3		7,0	Bảy , không	
19	19000543	Đặng Ngọc	Minh	11/05/2004	19T4-CNÔ3		8,5	Tám , năm	
20	19000474	Phạm Tấn	Minh	26/06/2001	19T4-CNÔ3		9,0	Chín , không	
21	19002170	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	13/10/2002	19T4-CNÔ3		7,5	Bảy , năm	
22	19000466	Võ Trọng	Nguyễn	18/03/2004	19T4-CNÔ3		7,5	Bảy , năm	
23	19000417	Nguyễn Quốc	Phát	12/03/2004	19T4-CNÔ3		7,8	Bảy , tám	
24	19000585	Bùi Nguyễn Minh	Quân	23/09/2004	19T4-CNÔ3		5,0	Năm , không	
25	19000421	Đỗ Phát	Tài	13/11/2004	19T4-CNÔ3		5,0	Năm , không	
26	19000445	Cần Thanh	Thái	30/06/2004	19T4-CNÔ3		6,3	Sáu , ba	
27	19000461	Phạm Quốc	Thắng	11/02/2003	19T4-CNÔ3		8,3	Tám , ba	
28	19000465	Thái Đức Duy	Thanh	11/01/2004	19T4-CNÔ3		9,8	Chín , tám	
29	19000621	Nguyễn Hoài	Thương	21/06/2004	19T4-CNÔ3		9,0	Chín , không	
30	19000589	Đỗ Anh	Tiến	12/02/2004	19T4-CNÔ3		5,0	Năm , không	
31	19000493	Liu Đăng	Tiến	13/08/2004	19T4-CNÔ3		5,3	Năm , ba	
32	19000477	Nguyễn Trường	Toàn	11/09/2004	19T4-CNÔ3		6,5	Sáu , năm	
33	19000467	Nguyễn Trần Anh	Tuấn	18/04/2004	19T4-CNÔ3		5,8	Năm , tám	
34	19000512	Nguyễn Thanh	Tùng	27/09/2004	19T4-CNÔ3		7,3	Bảy , ba	
35	19000546	Lê Công	Vinh	25/02/2004	19T4-CNÔ3		6,8	Sáu , tám	
36	19000631	Đặng Long	Vũ	03/08/2003	19T4-CNÔ3		6,0	Sáu , không	

Ghi chú:

Danh sách gồm 36 sinh viên.

Số dự kiểm tra là 34 sinh viên.

Số vắng kiểm tra là 2 sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phan Hoàng Thiện

Cán bộ chấm thi 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Tú

TP. HCM, ngày tháng năm 20.....

Trưởng khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

